

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/DS-PT
Ngày 05-5-2021
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ thanh toán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm.

Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2020/QĐPT-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 17, đường H, tổ 25, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 80, tổ 2, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Huỳnh Minh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2019, bản tự khai ngày 11/02/2020, bản tự khai bổ sung ngày 09/10/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2010, con gái của bà H và ông Đ chuẩn bị lấy chồng nhưng muốn làm đám cưới cho con thì phải đợi mãn tang mẹ ông Đ và phải sửa chữa nhà kho của nhà ông Đ thành phòng khách và phòng để ở cho sạch, đẹp. Mẹ cha ông Đ bị sụp lún xuống, nước chảy vào cũng cần phải xây sửa lại. Ông Đ có nhờ bà H bỏ tiền ra sửa nhà, xây mộ, cán nèn xi măng toàn bộ khu nghĩa trang gia tộc họ Đ và thỏa thuận sau khi bán được đất ở T1 ông Đ sẽ thanh toán toàn bộ chi phí mà bà H đã bỏ ra. Do nghĩ tình nghĩa trước đây Ông Huỳnh Minh Đ là chồng cũ và muốn đám cưới của con không bị sui gia coi thường về nơi ở nên bà H chấp nhận, bà H sử dụng nguồn tiền bán nhà ở T để xây dựng, sửa chữa các công trình trên.

Ngày 10/3/2010, bà Nguyễn Thị H và Ông Huỳnh Minh Đ ký hợp đồng thỏa thuận xây dựng nhà cấp 4, tại số 80, tổ 02, khu phố K, phường T với giá 280.000 đồng/m² và “Hợp đồng xây mả cho ba” xây lại phần mộ cho ông Huỳnh Bảy N1 (cha của Ông Huỳnh Minh Đ), cán nèn xi măng toàn bộ khu nghĩa trang gia tộc tại ấp H, xã T1. Đối với phần sửa chữa nhà kho thành phòng khách và nhà cấp 04: Bà H hợp đồng với ông Nguyễn Văn S (Bổn Q) để sửa chữa lại nhà vào năm 2010, tổng số tiền công là 30.800.000 đồng. Toàn bộ phần nhà kho bà H sửa chữa hiện nay không còn, vì năm 2013 ông Đ bán đất có tiền nên đã tháo dỡ, san bằng hết tất cả các công trình cũ để xây dựng nhà trọ mới, chỉ còn lại bức tường bao quanh nhà như hiện trạng Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định. Năm 2013, ông Đ xây nhà mới như ông Đ trình bày là phần nhà chính phía trước không phải vị trí nhà kho bà H sửa chữa thành phòng khách, nhà cấp 04 vào năm 2010. Năm 2013, bà H cũng được ông Đ nhờ coi công trình và chăm công thợ. Tuy nhiên, sau đó ông Đ không vừa ý nên bà H bàn giao lại cho ông Đ và không tham gia vào việc xây dựng nhà mới này. Đối với phần sửa chữa mộ cho ông Huỳnh Bảy N1: Bà H hợp đồng xây dựng với ông Võ Văn N (cu C, hiện nay ông N đã chết) cán nèn và xây mộ với tổng số tiền công là 30.000.000 đồng. Toàn bộ vật liệu xây dựng để sửa chữa cho 02 công trình trên là 40.127.000 đồng do bà H mua của ông Vũ Hoàng D chủ cửa hàng vật liệu Tiến P vào năm 2010. Tổng cộng 03 khoản bà H đã chi trả số tiền là 107.397.000 đồng.

Năm 2015, bà H đã khởi kiện ông Đ tại Tòa án nhân dân thị xã T để yêu cầu ông Đ trả số tiền trên nhưng do các con bà H góp ý số tiền không nhiều, một phần trong đó là xây mồ mả ông bà, phần nhà sửa chữa cho các con ở nên bà H rút đơn, Tòa án nhân dân thị xã T đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Đ cũng thừa nhận bà H có sửa chữa nhà và xây sửa lại mồ mả cho cha ông Đ. Tuy nhiên, ông Đ trình bày thời điểm là năm 2001, không phải năm 2010. Toàn bộ tiền mua vật liệu xây dựng và trả tiền công 02 công trình trên ông Đ đã gộp lại trong số nợ 26 lượng vàng phải trả cho bà H, đã được giải quyết bằng Bản án năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật. Bà H không thừa nhận vì giấy vay nợ ghi rõ mục đích ông Đ mượn 26 lượng vàng để sửa chữa nhà bảo sanh của mẹ ông Đ gồm 07 công trình xây dựng mới, không phải để sửa nhà kho lại thành phòng khách và nhà cấp 04. Thời điểm con gái bà H kết hôn năm 2010 nên không thể sửa chữa nhà từ năm 2001 rồi đợi đến năm 2010 cho con gái có nhà đẹp để kết hôn. Hơn nữa, chi phí cho việc sửa chữa nhà và xây mộ cũng

không hết 26 lượng vàng. Ông Huỳnh Minh Đ đã bán đất tại phường T1 nhưng không trả tiền cho bà H. Hiện nay, ông Đ ngược đãi các con và có ý định làm di chúc toàn bộ tài sản cho người khác. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ có nghĩa vụ trả bà H tổng số tiền 107.397.000 đồng.

Hàng rào xung quanh nhà tại số 80, tổ 2, khu phố K, phường T và hàng rào xung quanh khu mộ gia tộc của ông Đ đều do bà H thuê người xây dựng trong tổng số tiền vật liệu và tiền công đã chi trả nêu trên nhưng bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại bản tự khai ngày 11/02/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Ông Huỳnh Minh Đ trình bày:

Về yêu cầu trả tiền sửa chữa nhà của bà H: Tháng 5/2013, nhà ông Đ xuống cấp cần sửa chữa lại, nên ông Đ ký hợp đồng với ông Nguyễn Tấn Đ1 là thợ hồ để sửa chữa. Do ông Đ1 không thực hiện hợp đồng nên ông Đ ký lại hợp đồng xây dựng với ông Trần Văn Đ2. Ông Đ2 làm được khoảng 10 ngày nhưng có nhiều sai sót kỹ thuật, không Đ1 yêu cầu nên ông Đ kết thúc hợp đồng với ông Trần Văn Đ2 và ký hợp đồng với ông Nguyễn Hoàng S để sửa chữa nhà đến khi hoàn thiện. Bà H không có chuyên môn về xây dựng nên ông Đ không ký hợp đồng xây dựng với bà H mà chỉ nhờ bà H làm người quản lý chăm công thợ, thay ông Đ trả tiền công thợ, đi mua vật liệu trong quá trình xây dựng sửa chữa nhà. Các hóa đơn, chứng từ mua vật liệu và trả tiền công thợ đều do ông Đ bỏ ra, không phải là tiền của bà H. Hợp đồng xây nhà bà H cung cấp cho Tòa án là bản hợp đồng ông Đ đánh máy sẵn dự định ký với ông Trần Văn Đ2. Tuy nhiên, do ông Đ2 làm không Đ1 yêu cầu nên ông Đ để trống phần chủ thầu, dự tính khi nào tìm được chủ thầu chính thức sẽ điền tên. Sau đó, bà H tự điền tên của bà H vào hợp đồng xây dựng, thực tế ông Đ không ký hợp đồng xây dựng với bà H vì bà H không biết gì về chuyên môn xây dựng để nhận thầu.

Về yêu cầu trả tiền sửa chữa mộ cho ông Huỳnh Bảy N1: Việc xây sửa lại mồ mả của cha ruột ông Đ là bà H tự làm vì khi cha ông Đ còn sống đã đối xử rất tốt với bà H nên bà H chịu ơn và có nguyện vọng sẽ tự ý sửa chữa lại mộ của cha ông Đ cho đẹp và khang trang. Mộ của cha ông Đ đã xây nhưng bà H muốn xây rộng ra, trang trí cho đẹp giống mộ của mẹ ông Đ nên ông Đ không ngăn cản. Vì lý do này mà ông Đ không biết việc bà H thuê ai sửa chữa, mua vật liệu xây dựng của ai. Bà H tự mua vật liệu xây dựng để sửa chữa nên đã kê khai nhiều hơn số lượng vật liệu (gạch, xi măng) để đòi tiền ông Đ. Đây cũng là lý do toàn bộ chữ viết thuê thợ làm và mua bán vật liệu xây dựng hoàn toàn là chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị H mà không phải chữ viết của ông Đ. Ông Đ thừa nhận có ký tên dưới mỗi phần vật liệu xây dựng do bà H liệt kê để biết bà H xây dựng hết bao nhiêu vật liệu xây dựng còn nội dung số tiền ông Đ nợ do bà H ghi thêm vào sau khi ông Đ ký. Ông Đ không biết bà H ghi thêm nội dung vào thời điểm nào nên không yêu cầu giám định chữ viết, màu mực, thời điểm ghi thêm. Hàng rào xung quanh khu mộ do ông Đ bỏ tiền ra thuê ông Phạm Văn N3 xây dựng vào năm 2014, tại phiên tòa bà H không tranh chấp nên ông Đ cũng không yêu cầu làm rõ.

Ông Đ thừa nhận bà H có sửa chữa nhà kho lại thành phòng khách và nhà cấp 04 nhưng thời điểm là năm 2001, không phải năm 2010 như bà H trình bày. Toàn bộ tiền công sửa chữa nhà kho thành phòng khách và nhà cấp 04, ông Đ đã gộp lại trong số nợ 26 lượng vàng phải trả cho bà H, đã được giải quyết bằng Bản án đã có hiệu lực thi hành năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nên hiện tại ông Đ không còn nợ bà H tiền sửa chữa nhà trên. Toàn bộ công trình bà H sửa chữa năm 2001 hiện nay không còn vì năm 2013 ông Đ đã tháo dỡ, san bằng để xây dựng mới nhà trọ cho thuê. Bức tường bao quanh nhà số 80, tổ 2, khu phố K, phường T như hiện trạng Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ do ông Đ thuê ông Nguyễn Hữu V xây dựng năm 2013 (Hợp đồng thi công số 2). Chi phí xây dựng ông Đ đã trả xong không liên quan đến bà H, tại phiên tòa bà H không tranh chấp nên ông Đ cũng không yêu cầu làm rõ.

Năm 2015, bà H đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại tiền xây, sửa nhà và tiền xây mộ tại Tòa án nhân dân thị xã T do Thẩm phán Nguyễn Thanh Phong giải quyết nhưng bà H đã rút đơn khởi kiện. Nay ông Đ không đồng ý trả tổng số tiền 107.397.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020, người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày:

Năm 2010, ông S có nhận sửa chữa nhà cho Ông Huỳnh Minh Đ tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và sửa chữa xây dựng lại mộ cho ông Huỳnh Bảy N1 tại xã T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ông S nhận công việc và nhận tiền công trực tiếp từ bà Nguyễn Thị H, không làm việc với Ông Huỳnh Minh Đ. Mọi công trình nhận sửa chữa, ông S làm từ đầu đến khi hoàn thiện công trình để bàn giao mà không làm dang dở để lại cho người khác. Việc sửa chữa lại nhà cho ông Đ, ông S đã nhận đủ số tiền công là 30.800.000 đồng từ bà H và không có yêu cầu gì thêm. Năm 2013, ông S không làm nhà hay công trình gì do bà H, ông Đ thuê.

[4] Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2020, người làm chứng ông Vũ Hoàng D trình bày:

Ông D là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Tiến P, vào năm 2010 ông D có bán vật liệu xây dựng cho bà Nguyễn Thị H để xây dựng mộ mả cho ông Huỳnh Bảy N1 và mỗi lần bán vật liệu thì vợ ông là bà Đào Thị Giang viết hóa đơn. Thời gian đầu thì bà H có tạm ứng trả tiền mua vật liệu với số tiền 10.000.000 đồng, sau đó thì không trả, mãi sau này khi đòi tiền nhiều lần bà H mới trả hết. Tổng số tiền bà H mua vật liệu của cửa hàng Tiến P là 40.127.000 đồng, toàn bộ vật liệu để xây mộ đều do bà H mua và trả tiền, ông D không bán vật liệu cho Ông Huỳnh Minh Đ.

[5] Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2020, người làm chứng ông Nguyễn Hoàng S trình bày:

Ông S có nhận thầu để xây dựng nhà cho Ông Huỳnh Minh Đ nhưng thời điểm nhận xây dựng năm nào thì ông S không nhớ rõ, do ông S cũng nhận thầu

nhiều nhà và thời gian cũng đã lâu. Ông S chỉ nhớ phần ông S nhận xây thì phần móng nhà và các hầm hố ga đã được xây dựng trước đó, khi nhận xây thì ông Đ có nói do thợ trước làm không vừa ý nên mới chuyển cho ông S làm. Việc xây dựng móng nhà trước đó do bà H làm nên ông S có nhờ bà H chỉ lại những chỗ đã làm. Ông S nhận thầu trực tiếp từ ông Đ nên chỉ làm và nhận tiền công từ ông Đ để xây dựng mới nhà cấp 04, không sửa chữa lại nhà.

[6] Trong quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng ông Phạm Văn N3 trình bày:

Năm 2014, ông N3 có làm hợp đồng với Ông Huỳnh Minh Đ để xây dựng 10 căn nhà trọ trên đất của Ông Huỳnh Minh Đ tại ấp H, xã T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương với giá 600.000 đồng/m² bao gồm công trình phụ: Tráng xi măng bê tông toàn bộ trong và ngoài khu nghĩa trang của gia đình ông Đ; xây tường rào bao quanh ranh giới đất của ông Đ với giá 200.000 đồng/m².

[7] Tại đơn xin làm chứng ngày 12/11/2020, người làm chứng ông Nguyễn Văn H1 và bà Phan Thị Xuân H2 cùng thống nhất trình bày:

Việc bà H tân trang mô mả cha ruột ông Đ năm 2010 là do bà H tự nguyện, không đòi hỏi ông Đ phải trả tiền. Không có việc bà H sửa chữa nhà tại số 80, tổ 2, khu phố K, phường T, vì chính nơi đây ông H1 và bà H2 là người cư trú 40 năm nay, chỉ có việc ông Đ xây dựng mới vào năm 2013 và cho ông H1, bà H2 ở nhờ đến nay. Bà H không phải là chủ thầu xây dựng, hợp đồng ngày 10/3/2010 là bà H gian dối.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 274, 275 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H với bị đơn Ông Huỳnh Minh Đ về việc “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”.

Buộc Ông Huỳnh Minh Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 100.927.000 đồng, trong đó tiền mua vật liệu xây dựng 40.127.000 đồng; tiền công thợ sửa chữa nhà tại số 80, tổ 2, khu phố K, phường T, thị xã T vào năm 2010 là 30.800.000 đồng; tiền công xây mộ cho ông Huỳnh Bảy N1, sửa chữa tân trang lại khu mộ tại khu phố Hóa Nhứt, phường T1, thị xã T 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc Ông Huỳnh Minh Đ trả số tiền 6.470.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 19/11/2020 bị đơn Ông Huỳnh Minh Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Ông Huỳnh Minh Đ có trách nhiệm trả cho bà H số tiền bà H đã bỏ ra để mua vật liệu xây dựng, trả tiền công cho ông Võ Văn N đã xây mộ cho cha ruột ông Đ và trả tiền công cho ông Nguyễn Văn S đã sửa chữa nhà của ông Đ tại số 80, tổ 2, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương với tổng số tiền 107.397.000 đồng. Bị đơn ông Đ cho rằng việc xây sửa lại mộ của cha ruột ông Đ là do bà H tự nguyện, còn việc bà H sửa chữa nhà thì toàn bộ tiền công sửa chữa nhà kho thành phòng khách và nhà cấp 04, ông Đ đã gộp lại trong số nợ 26 lượng vàng phải trả cho bà H, đã được giải quyết bằng Bản án đã có hiệu lực thi hành năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nên hiện tại ông Đ không còn nợ bà H khoản tiền sửa chữa nhà trên. Do vậy, ông Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Xét “Hợp đồng xây mộ cho ba” (không có ngày tháng năm) có nội dung liệt kê cụ thể 10 công việc phải làm khi xây mộ, cán nền xi măng toàn nghĩa trang, liệt kê số lượng vật liệu xây dựng, giá từng loại vật liệu và tổng số tiền chi phí, dưới mỗi phần tổng cộng chi phí sửa chữa và mua vật liệu đều có chữ ký xác nhận của Ông Huỳnh Minh Đ. Tại biên bản đối chất ngày 29/9/2020, biên bản hòa giải ngày 16/10/2020 và tại phiên tòa, ông Đ thừa nhận bà H là người xây mộ cho cha ông Đ với lý do bà H vì tình nghĩa trước đây ông Huỳnh Bảy N1

còn sống đã đối xử tốt với bà H nên bà H chịu ơn và có nguyện vọng sẽ tự nguyện xây dựng mộ và chịu toàn bộ chi phí xây dựng nhưng bà H không thừa nhận lời trình bày này với lý do bà H và ông Đ đã ly hôn vào năm 1995, trong hợp đồng đã ghi rõ thỏa thuận bà H bỏ tiền ra làm mộ sau này bán được đất ông Đ phải trả lại toàn bộ. Ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bà H tự nguyện xây dựng mộ và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xây dựng, cũng không yêu cầu giám định chữ viết của bà H tại phần nội dung “Đ nợ 40.127.000 đồng H mua vật liệu xây dựng” mà ông Đ cho rằng bà H ghi thêm sau khi ông Đ ký tên dưới phần số lượng vật liệu xây dựng và số tiền bà H thống kê trong hợp đồng. Do vậy, lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Xét Hợp đồng xây dựng nhà không ghi ngày tháng giữa ông Đ và bà H có chữ ký xác nhận của ông Đ, ngày khởi công là ngày 10/3/2010. Ông Đ không thừa nhận có ký hợp đồng xây dựng, sửa chữa nhà với bà H, ông Đ cho rằng bà H lấy hợp đồng ông Đ làm sẵn thời điểm năm 2013 rồi điền thông tin của bà H vào. Ông Đ thừa nhận bà H có xây dựng, sửa chữa nhà kho lại thành phòng khách và nhà cấp 04 sử dụng để ở tại số 80, tổ 2, khu phố K, phường T, thời điểm sửa chữa là trước năm 2001 không phải năm 2010 và cung cấp chứng cứ là bản photo giấy mượn tiền xây dựng sửa chữa nhà đề ngày 23/7/2001. Toàn bộ tiền công sửa chữa nhà kho thành phòng khách và nhà cấp 4 sử dụng để ở ông Đ đã gộp lại trong số nợ 26 lượng vàng SJC phải trả cho bà H, đã được giải quyết bằng Bản án số 14/2006/DS-ST ngày 09/3/2006 của Tòa án nhân dân huyện T và Bản án số 197/2006/DS-PT ngày 20/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật nên hiện tại ông Đ không còn nợ bà H tiền sửa chữa nhà trên. Bà H xác định, thời gian sửa chữa nhà là vào năm 2010 không phải năm 2001 và cung cấp hình ảnh con gái lớn của bà H với ông Đ làm đám cưới cùng năm 2010. Xét thấy, giấy mượn tiền xây dựng sửa chữa nhà đề ngày 23/7/2001 do ông Đ cung cấp có nội dung ông Đ có mượn 26 lượng vàng của bà H vào năm 2001 để xây dựng và sửa chữa nhà bảo sanh cho mẹ ông Đ là bà Nguyễn Thị Lầu, 07 công trình xây dựng liệt kê trong giấy mượn tiền này đều là xây mới trong đó có 02 căn nhà kho nhưng không phải là để sửa chữa nhà kho thành phòng khách và nhà cấp 04. Do vậy, có căn cứ xác định Bản án số 14/2006/DS-ST ngày 09/3/2006 của Tòa án nhân dân huyện T và Bản án số 197/2006/DS-PT ngày 20/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật buộc ông Đ trả bà H 26 lượng vàng không liên quan đến yêu cầu khởi kiện trên của bà H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020, người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày, năm 2010 ông S có nhận sửa chữa nhà cho Ông Huỳnh Minh Đ tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và sửa chữa xây dựng lại mộ cho ông Huỳnh Bảy N1 tại xã T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Mọi công trình ông S làm từ đầu đến khi hoàn thiện để bàn giao, không làm dang dở, ông S chỉ làm việc, nhận tiền công 30.800.000 đồng trực tiếp từ bà Nguyễn Thị H, không làm việc với Ông Huỳnh Minh Đ. Đồng thời, tại giấy làm chứng đề ngày 05/9/2015 lưu tại hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 140/2015TLST-DS ngày 20/10/2015, ông Võ Văn N (tự cu Cút Ngựa đã chết) xác nhận nội dung: “*Tháng 3/2010, tôi có xây mộ cha ông Đ là ông Huỳnh Bảy N1, các công trình gồm: Xây mộ, tiền công 25.000.000 đồng,*

cán nền xi măng toàn khu nghĩa trang 3.000.000 đồng, cán nền xi măng 02 căn nhà vòm ở T 2.000.000 đồng, tổng cộng 30.000.000 đồng. Bà H đã trực tiếp thanh toán tiền cho tôi...” . Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2020, người làm chứng ông Vũ Hoàng D trình bày ông Vũ Hoàng D và vợ là bà Đào Thị Giang là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Tiến P, vợ chồng ông D và bà Giang đã bán vật liệu xây dựng cho bà H vào giữa năm 2010, tổng số tiền là 40.127.000 đồng, chính bà H là người trả cho ông D và bà Giang số nợ trên. Xét thấy, những công việc ông Nguyễn Văn S và ông Võ Văn N thực hiện theo yêu cầu của bà H vào năm 2010 phù hợp với 04 nội dung công việc đã được liệt kê trong “Hợp đồng xây mả cho ba” và “Hợp đồng xây nhà” mà bà H đã ký với ông Đ. Các hóa đơn bà H mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng vật liệu xây dựng Tiến P phù hợp với khối lượng vật liệu cần thiết cho việc xây dựng mộ, và sửa chữa nhà cho ông Đ thời điểm năm 2010. Căn cứ theo các hóa đơn chứng từ bà H cung cấp và lời khai của những người làm chứng trên, có cơ sở xác định bà H là người đã trả số tiền 40.127.000 đồng mua vật liệu xây dựng cho ông D và bà Giang; trả tiền công thợ cho ông Nguyễn Văn S là 30.800.000 đồng; trả tiền công cho ông Võ Văn N là 30.000.000 đồng. Do đó, việc bà H yêu cầu ông Đ trả lại tổng số tiền 100.927.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà H yêu cầu ông Đ trả số tiền 107.397.000 đồng nhưng không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho việc bà H đã chi trả số tiền 6.470.000 đồng còn lại nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông Đ thanh toán số tiền 100.927.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 6.470.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 274 và Điều 275 của Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng S là người làm chứng do ông Đ yêu cầu triệu tập không nhớ thời gian xây dựng chỉ nhớ ông Đ là người trả tiền. Bà H và ông Đ đều thừa nhận ông S có xây nhà cho ông Đ nhưng thời điểm xây là năm 2013, sau khi ông Đ tháo dỡ, san bằng các công trình bà H sửa chữa để xây dựng nhà trọ cho thuê, bà H không tranh chấp các công trình do ông S xây dựng mới. Do vậy, không có căn cứ để xem xét lời khai này của ông S.

Tại đơn xin làm chứng ngày 12/11/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H1 và bà Phan Thị Xuân H2 cùng thống nhất trình bày: Việc bà H tân trang mộ mả cha ruột ông Đ năm 2010 là do bà H tự nguyện, không đòi hỏi ông Đ phải trả tiền. Không có việc bà H sửa chữa nhà tại số 80, tổ 2, khu phố K, phường T, vì chính nơi đây ông H1 và bà H2 là người cư trú 40 năm nay, chỉ có việc ông Đ xây dựng mới vào năm 2013 và cho ông H1, bà H2 ở nhờ đến nay. Bà H không phải là chủ thầu xây dựng, hợp đồng ngày 10/3/2010 là bà H gian dối. Xét thấy, lời trình bày của ông H1 và bà H2 không phù hợp với những phân tích trên nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Huỳnh Minh Đ.

[2] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Ông Huỳnh Minh Đ có nộp đơn xin miễn, giảm tiền tạm ứng án phí do thuộc diện người cao tuổi. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Ông Huỳnh Minh Đ được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Huỳnh Minh Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Ông Huỳnh Minh Đ được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Tuyền